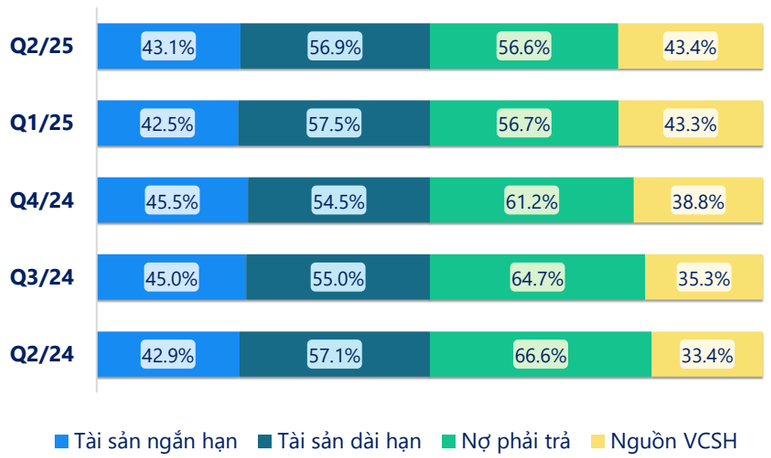
FireAnt

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (UPCOM: TV1)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	25,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,200
SL cổ phiếu LH	26,691,319
KLGD BQ 20 phiên (CP)	76,740
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	681
P/E	5.6
EPS	4,526

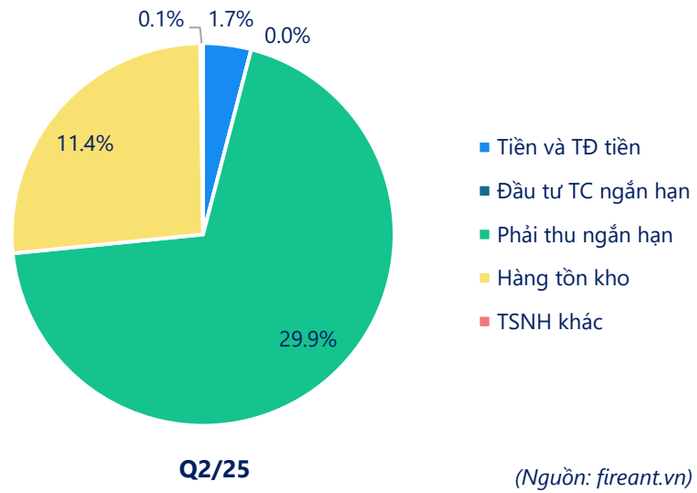
	YTD	1T	3T	6T
TV1	15.9%	4.1%	3.7%	14.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



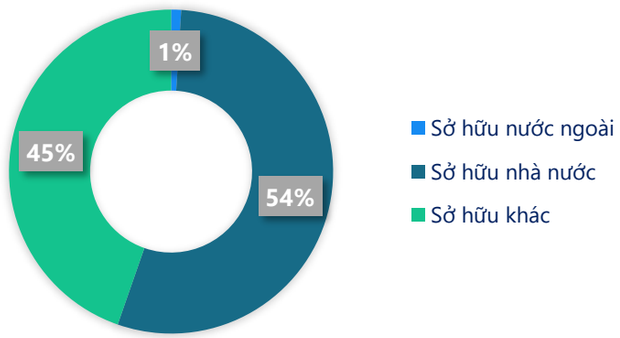
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



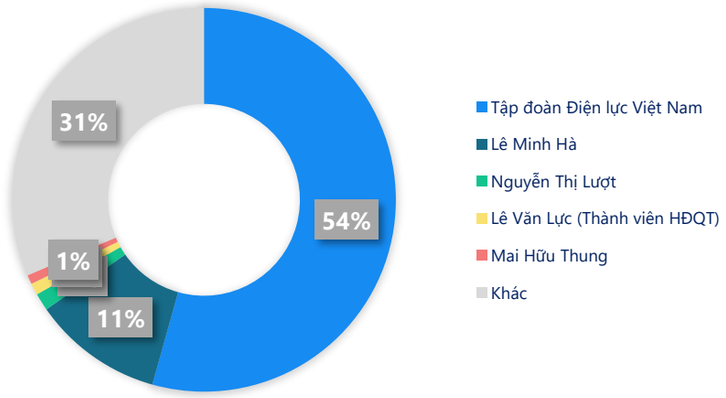
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



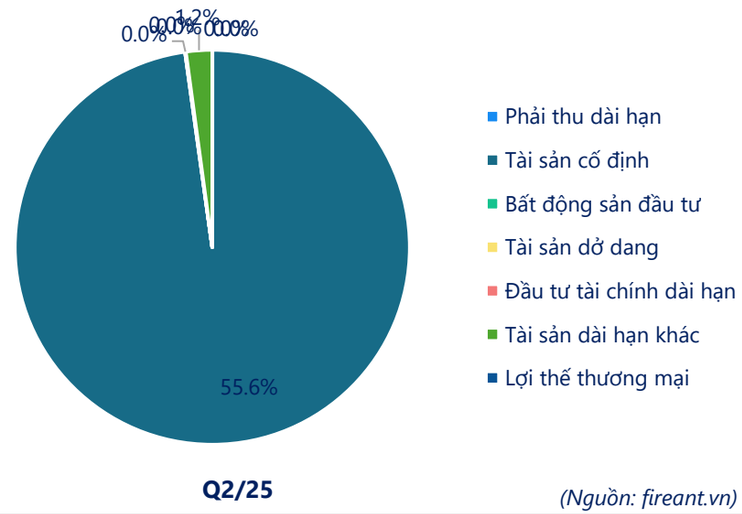
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

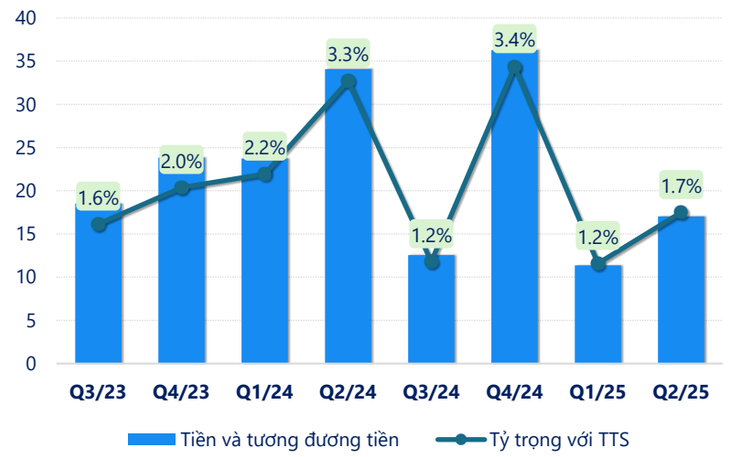


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

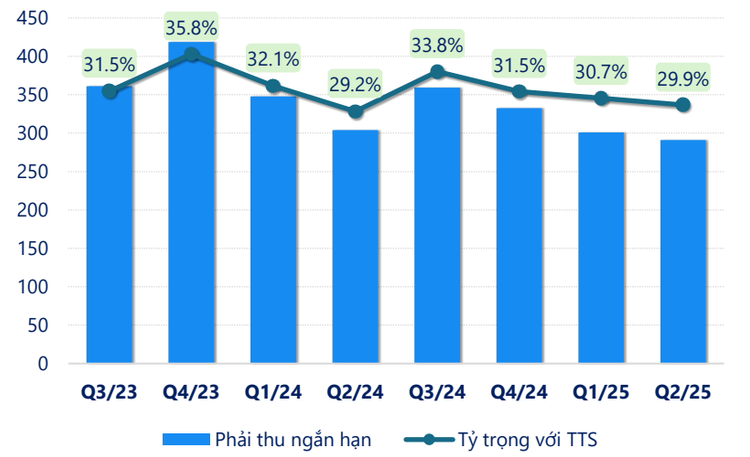
CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (UPCOM: TV1)

Tiền và tương đương tiền



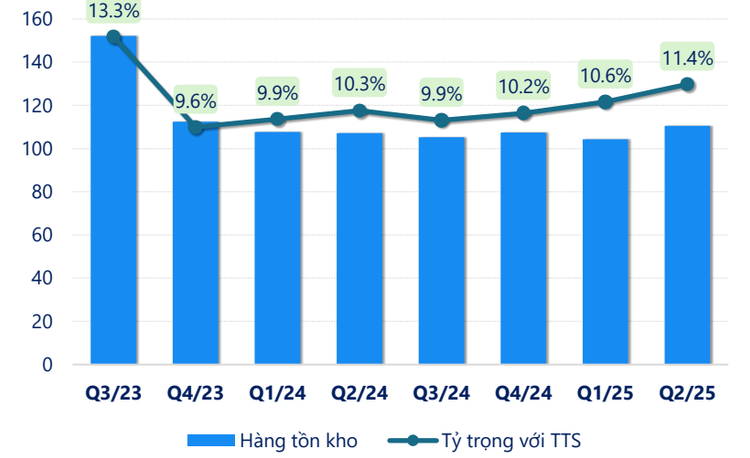
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



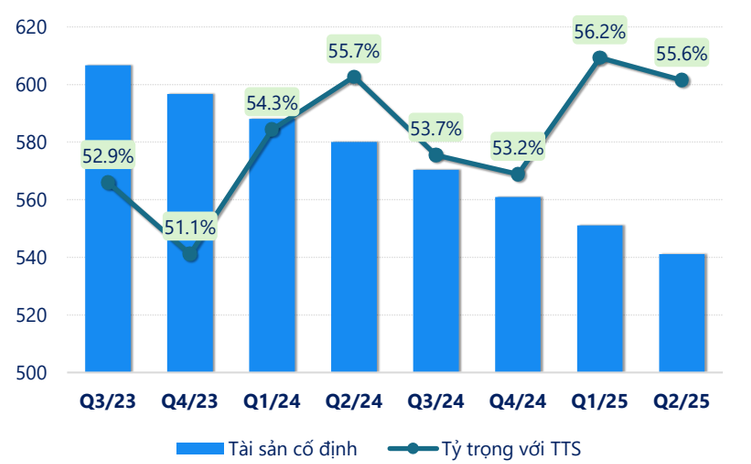
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



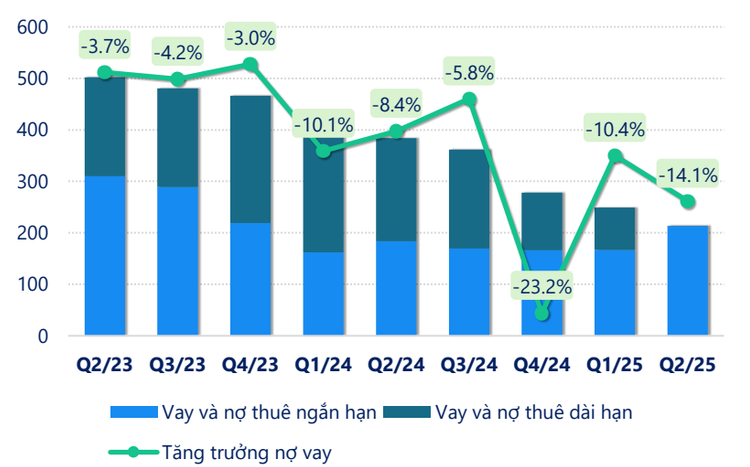
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



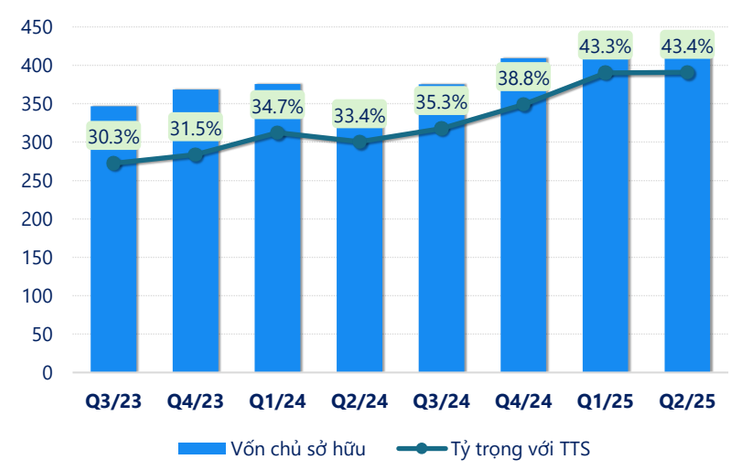
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

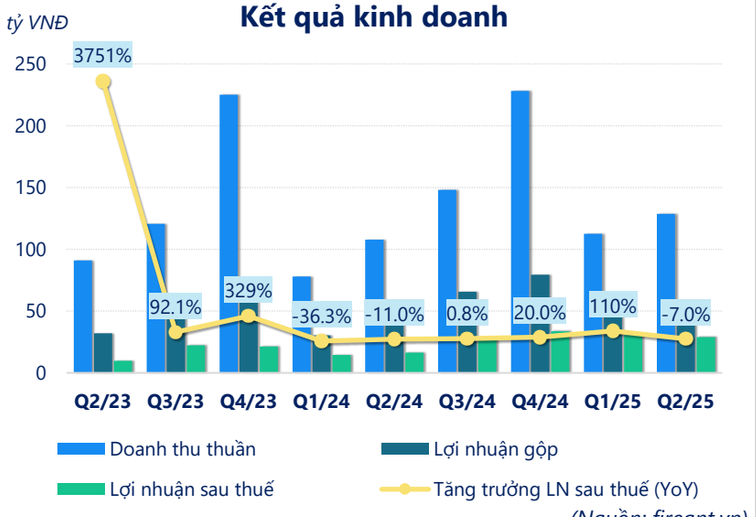


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

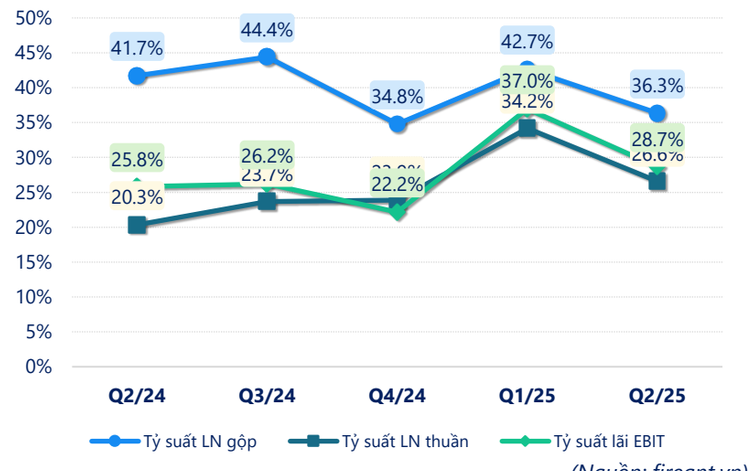
CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (UPCOM: TV1)

Kết quả kinh doanh



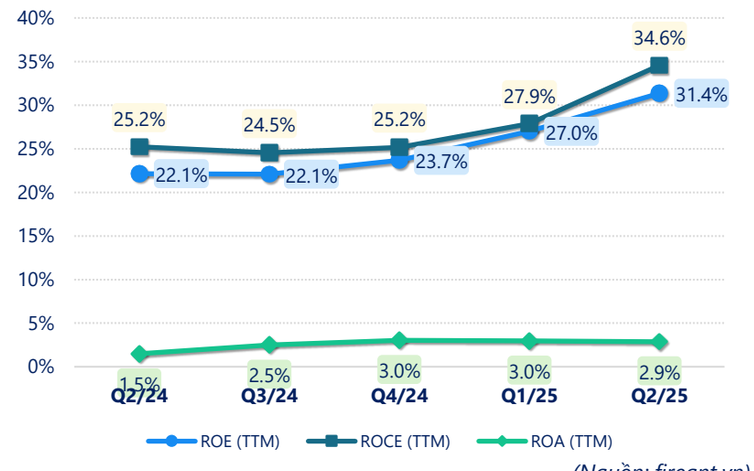
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



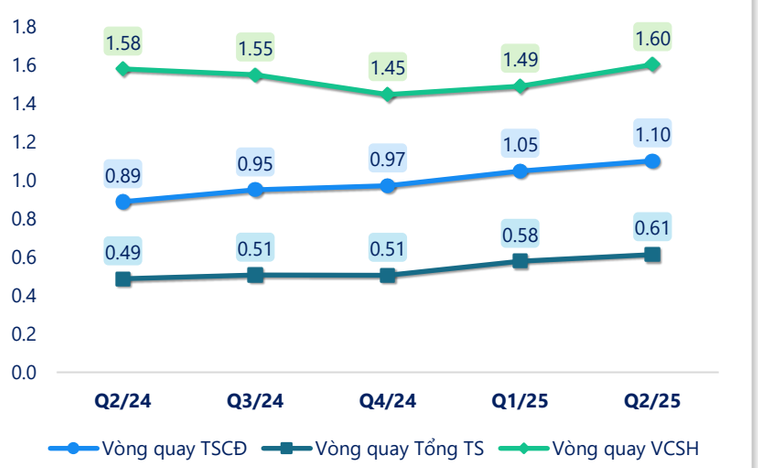
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



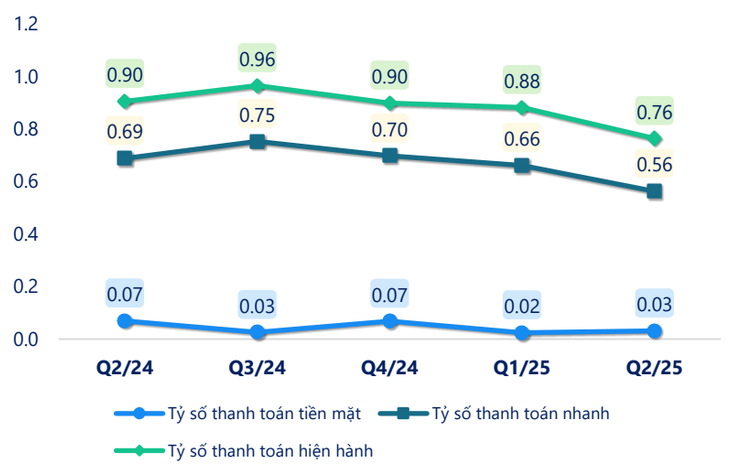
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



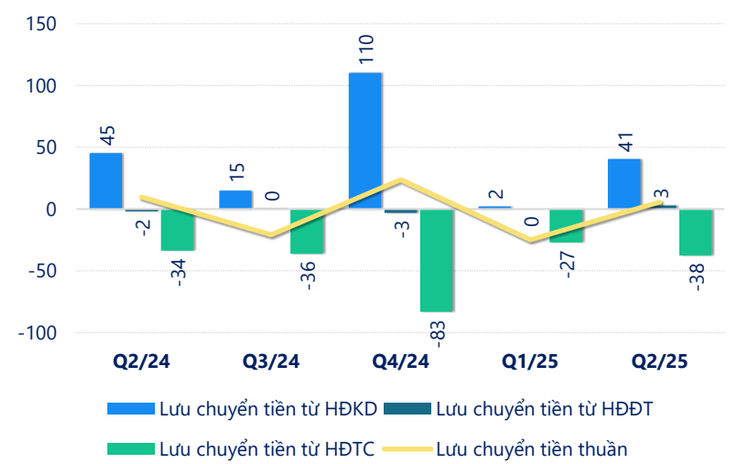
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (UPCOM: TV1)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**973**	**1,041**	**-6.5%**
Tài sản ngắn hạn	420	467	-10.1%
Tiền và tương đương tiền	17.0	36.3	-53.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.68	-100%
Phải thu ngắn hạn	291	325	-10.4%
Hàng tồn kho	111	102	8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.03	0.89	16.4%
Tài sản dài hạn	**553**	**574**	**-3.5%**
Phải thu dài hạn	0.05	0.13	-65.9%
Tài sản cố định	541	561	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.33	0.33	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.9**	**12.4**	**-3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	550	646	-14.9%
Nợ ngắn hạn	**550**	**535**	**2.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	166	28.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.7	61.3	-9.0%
Nợ dài hạn	0.48	112	-99.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.48	112	-99.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**423**	**394**	**7.2%**
Vốn chủ sở hữu	**423**	**394**	**7.2%**
Vốn điều lệ	267	267	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.11**	**0.11**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	108	148	228	113	129
Giá vốn hàng bán	62.9	82.3	149	64.6	81.9
Lợi nhuận gộp	45.0	65.7	79.4	48.0	46.8
Doanh thu HĐTC	1.38	0.22	0.22	0.27	0.63
Chi phí TC	6.03	5.67	5.92	3.29	2.74
Chi phí lãi vay	6.03	5.50	4.47	3.28	2.74
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.19	0	0	0	0
Chi phí QLDN	18.3	25.2	19.2	6.51	10.4
LN thuần từ HĐKD	22.0	35.1	54.5	38.5	34.2
Lợi nhuận khác	-0.14	-1.79	-8.36	-0.15	-0.05
LN trước thuế	21.8	33.3	46.1	38.3	34.1
Lợi nhuận sau thuế	16.3	27.5	33.7	30.6	29.0
LNST của CĐ cty mẹ	16.3	27.5	33.7	30.6	29.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.3	15.0	110	2.03	40.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.88	0.36	-3.14	-0.03	2.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.7	-36.3	-83.2	-26.9	-37.7
Tiền đầu kỳ	23.7	34.1	12.5	36.3	11.4
Lưu chuyển tiền thuần	**9.71**	**-20.9**	**23.7**	**-24.9**	**5.69**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.61	-0.61	0.00	0	-0.04
Tiền cuối kỳ	34.1	12.5	36.3	11.4	17.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic